

Số: 531 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Phương án Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn về thực hiện chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 23/TTr-SNN ngày 25/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn năm 2020.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn năm 2020 theo đúng nội dung Phương án được duyệt và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Giám đốc các Sở:

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước Bắc Kạn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn Bắc Kạn, Giám đốc công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- BCĐ Trung ương về PCTT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (t/hiện);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- CVP, PVP (Ô. Thất);
- Lưu: VT, Hoàn.

PH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Đề chủ động trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, góp phần ổn định xã hội và thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh. Với phương châm “*Chủ động phòng tránh - Đối phó kịp thời - Khắc phục hiệu quả*”, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020, với các nội dung sau:

I. CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN

Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT- Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra;

Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn về thực hiện chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 18/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn;

Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc kiện toàn thành viên tham gia Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bắc Kạn năm 2020;

Theo nhận định tình hình thời tiết năm 2020 của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Kạn.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Rà soát lại các nguồn lực thực hiện công tác ứng phó thiên tai:

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp tham mưu, trình UBND cùng cấp kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp theo quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 và Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, rà soát tiến độ xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, hồ chứa nước, công trình di dân tái định cư tại những khu vực sạt lở, công trình kè chống xói lở bờ sông suối, báo cáo UBND tỉnh có những điều chỉnh bổ sung kịp thời.

- Các địa phương thực hiện rà soát, kiểm kê nguồn nhân lực, các vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó thiên tai.

- Ban quản lý Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh thực hiện rà soát lại nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai, đẩy nhanh các hoạt động thu, sử dụng quỹ phòng chống thiên tai đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

2. Dự kiến một số tình huống có thể xảy ra và biện pháp ứng phó:

2.1. Một số tình huống có thể xảy ra:

Dựa vào những hình thái thiên tai thường xảy ra trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, đặt ra một số tình huống bất lợi để đưa ra biện pháp ứng phó phù hợp với điều kiện thực tế nhằm chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, cụ thể như sau:

- Tình huống 1: Lốc, sét, mưa đá;
- Tình huống 2: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt;
- Tình huống 3: Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy;
- Tình huống 4: Hạn hán;
- Tình huống 5: Rét hại, sương muối.

(Vị trí các khu vực có nguy cơ cao như biểu số 01 kèm theo)

2.2. Biện pháp ứng phó:

2.2.1. Tình huống 1: Lốc, sét, mưa đá.

Khi có lốc, sét, mưa đá, xảy ra cần tập trung thực hiện:

- Cấp cứu người bị thương (nếu có);
- Di chuyển người, tài sản tới nơi an toàn, không để người dân bị đói, rét, không có nhà ở;

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- Chàng chống nhà cửa, các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm trên địa bàn toàn tỉnh;

- Bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất; tập trung thu hoạch lúa đã chín, hoa màu;

- Thực hiện tốt phương châm “*Bón tại chỗ*”;

- Chính quyền địa phương báo cáo tình hình thiệt hại về Ban Chỉ huy PCTT - TKCN cấp trên để có phương án chỉ đạo khắc phục hậu quả do lốc, sét, mưa đá gây ra;

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với lốc, sét, mưa đá tới các ngành, các cấp để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ động chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT-TKCN các ngành, các cấp triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể.

2.2.2. *Tình huống 2*: Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt.

a) Khi có Bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt xảy ra cần tập trung thực hiện:

- Cấp cứu người bị thương, tìm kiếm người mất tích (nếu có); sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương;

- Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

- Nghiêm cấm việc người dân ra sông vớt tài sản hoa màu trôi lũ, đánh cá;

- Tổ chức canh gác nghiêm ngặt ở các ngàm tràn qua suối, có biển báo và kiên quyết không cho dân đi qua khi nước trên ngàm ở mức báo động;

- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, tài sản, công trình hạ tầng;

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất; tập trung thu hoạch lúa đã chín, hoa màu, vật nuôi, khu nuôi trồng thủy sản;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai;

- Thực hiện tốt phương châm “*Bốn tại chỗ*”;

- Thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo, công điện chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chính quyền địa phương báo cáo tình hình thiệt hại về Ban Chỉ huy PCTT - TKCN cấp trên để có phương án chỉ đạo khắc phục hậu quả do Bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt gây ra.

b) Phân cấp báo động trên một số hệ thống sông như sau:

- Lưu vực sông Cầu, sông Năng:

Hệ thống sông/trạm	Mức báo động/mực nước	Thời gian báo cáo	Hình thức báo động
1. Sông Cầu			
- Trạm Cầu Phà	Cấp I: 132,0m	2 giờ một lần	
	Cấp II: 133,0m	1 giờ một lần	Thông báo trên Đài truyền thanh
	Cấp III: 134,0m	20 phút một lần	Thông báo trên Đài truyền thanh lệnh sơ tán vùng ngập lụt
- Trạm Chợ Mới	Cấp I: 56,5m	2 giờ một lần	
	Cấp II: 57,5m	1 giờ một lần	Thông báo trên Đài truyền thanh
	Cấp III: 58,5m	20 phút một lần	Thông báo trên Đài truyền thanh lệnh sơ tán vùng ngập lụt
2. Sông Năng			
- Trạm Chợ Rã	Cấp I: 154,5m	2 giờ một lần	
	Cấp II: 155,5m	1 giờ một lần	Thông báo trên Đài truyền thanh
	Cấp III: 156,5m	20 phút một lần	Thông báo trên đài truyền thanh lệnh sơ tán vùng ngập lụt

- Đối với các lưu vực sông khác do chưa có hệ thống cấp báo động vì vậy căn cứ vào diễn biến mưa (mưa lớn trong thời gian ngắn hoặc mưa vừa nhưng kéo dài nhiều ngày) để có phương án phòng tránh phù hợp với điều kiện thực tế.

2.2.3. *Tình huống 3*: Sạt lở đất, sạt lún khu dân cư do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Sạt lở đất khu dân cư:

- Cấp cứu người bị thương, tìm kiếm người bị mất tích (nếu có);

- Giám sát, hướng dẫn việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy;

- Di chuyển người, tài sản tới nơi an toàn, không để người dân bị đói, rét, không có nhà ở. Nếu phát hiện khả năng tiếp tục xảy ra sạt, lở đất thì có phương án di dời người, tài sản đến vị trí an toàn;

- Chính quyền địa phương báo cáo tình hình thiệt hại về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp trên để có phương án chỉ đạo khắc phục hậu quả do sạt, lở, sụt lún đất gây ra;

Khi có mưa liên tục và lượng mưa đạt mức 75mm trở lên thì nguy cơ sạt lở đất rất cao, do vậy cần có biện pháp di dân ngay tới vị trí an toàn.

b) Sạt lở đất đường giao thông:

- Cấp cứu người bị thương, tìm kiếm người bị mất tích (nếu có);

- Triển khai việc phân luồng, hướng dẫn, cấm biển báo nguy hiểm trên các tuyến đường sạt lở để người tham gia giao thông chủ động phòng tránh;

- Chủ động lực lượng, phương tiện thông xe trong thời gian nhanh nhất. Trường hợp không thể khắc phục thông xe ngay cần cấm biển cấm để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện;

- Sở Giao thông Vận tải xây dựng phương án tổ chức thực hiện phối hợp với chính quyền địa phương báo cáo tình hình thiệt hại về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để có phương án chỉ đạo khắc phục hậu quả do sạt lở gây ra;

Khi có mưa liên tục và lượng mưa đạt mức 75mm trở lên thì nguy cơ sạt, lở đất rất cao, do vậy cần chủ động lực lượng và phương tiện để khắc phục sự cố.

c) Sạt lở, sụt lún đất do dòng chảy:

- Khi phát hiện ra địa điểm có nguy cơ sạt lở chính quyền địa phương tiến hành ngay việc cấm biển cảnh báo vị trí có nguy cơ sạt lở; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân cư ngụ xung quanh khu vực có nguy cơ sạt lở (hoặc phạm vi ảnh hưởng của sạt lở) để biết và chủ động phòng, tránh, di dời đến nơi an toàn;

- Chính quyền địa phương triển khai xây dựng rào chắn, cảnh báo không cho người, phương tiện qua lại trong khu vực có nguy cơ sạt lở; khuyến cáo người dân sơ tán và tháo dỡ, di dời tài sản đến nơi an toàn. Khẩn cấp tổ chức sơ tán, di dời người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở nguy hiểm và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở nguy hiểm;

- Khi xảy ra sự cố sạt lở: Theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở, huy động lực lượng kịp thời ứng cứu người, trục vớt tài sản và di dời người dân đến nơi an toàn, khoanh vùng sạt lở, cấm biển cảnh báo nguy hiểm (nếu chưa được cảnh báo), kịp thời huy động lực lượng tại chỗ ứng trực tại hiện trường ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở đã được khoanh vùng; trợ giúp sơ tán người và tài sản đến nơi an toàn, vận động hoặc cưỡng chế di dời khẩn cấp;

- Chính quyền địa phương báo cáo tình hình thiệt hại về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp trên để có phương án chỉ đạo khắc phục hậu quả do sạt lở đất gây ra.

2.2.4. *Tình huống 4: Hạn hán, nắng nóng.*

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh cập nhật kịp thời các bản tin dự báo trung hạn, dài hạn tới các ngành, các cấp về tình hình hạn hán để từ đó có phương án điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ phù hợp với tình hình hạn hán;

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc; có các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn nước;

- Tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm dã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống, linh hoạt trong công tác cấp nước đảm bảo hiệu quả sử dụng cao nhất;

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân về lợi ích của việc trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn;

- Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm chống hạn.

- Có các biện pháp bảo vệ cho người, tài sản, cây trồng...

2.2.5. *Tình huống 5: Rét hại, sương muối.*

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu, ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với rét hại, sương muối tới các ngành, các cấp để chủ động phòng tránh;

- Triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, gia súc và cây trồng. Đối với người đặc biệt lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật;

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp, nghiên cứu đề xuất, áp dụng giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt;

- Sẵn sàng triển khai phương án khắc phục và phục hồi sản xuất sau thiên tai (chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi).

3. Trách nhiệm các ngành, các cấp:

Để làm tốt công tác PCTT-TKCN năm 2020, phân giao nhiệm vụ cụ thể của các cấp, các ngành như sau:

3.1. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

- Thực hiện Phương án PCTT-TKCN năm 2020 của UBND tỉnh đã duyệt;

- Tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền công tác chuẩn bị các biện pháp phòng tránh, mức độ thiệt hại và biện pháp khắc phục hậu quả khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các địa phương xác định vùng trọng điểm có thể ngập úng, lũ, lũ quét, sạt lở đất để chỉ đạo di dời dân cư đến nơi an toàn. Phối hợp với các đơn vị có phương án tổ chức diễn tập các tình huống có thể xảy ra ở những vùng trọng điểm nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản;

- Chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương trong tỉnh tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

3.2. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các ngành, các huyện, thành phố:

- Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT-TKCN của ngành, của địa phương;

- Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện các phương án, quy chế phối hợp, kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai cho ngành hoặc địa phương mình;

- Tổ chức cấm biển báo, cảnh báo những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở các khu dân cư, đường giao thông;

- Trục 24/24 giờ trong mùa mưa lũ từ ngày 15/5 đến 31/10 trong năm; trục 12/24 trong thời gian còn lại, tùy điều kiện thời tiết có thể trục 24/24 trong điều kiện thời tiết có diễn biến phức tạp;

- Phân công lãnh đạo, cán bộ phụ trách địa bàn kịp thời chỉ đạo công tác PCTT-TKCN của từng địa phương, khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Công tác báo cáo phải thực hiện khẩn trương, chính xác để cấp trên chỉ đạo các biện pháp khắc phục hậu quả kịp thời.

3.3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra; phương án hợp đồng tác chiến giữa tỉnh, huyện, thành phố, và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để sẵn sàng huy động phương tiện, lực lượng cơ động tham gia ứng phó với thiên tai khi có yêu cầu; rà soát lại các chủng loại, phương tiện, vật tư phục vụ tìm kiếm cứu nạn hiện có ở các địa bàn có phương án chủ động để thực hiện tìm kiếm cứu nạn;

- Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các cơ sở lập kế hoạch, phương án tìm kiếm cứu nạn cho từng vùng, từng loại hình mưa, lũ cụ thể. Tiến hành tập huấn, tập dượt triển khai tìm kiếm cứu nạn cho các đơn vị liên quan để chủ động thực hiện có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn.

3.4. Công an tỉnh:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự khi xảy ra thiên tai; bố trí lực lượng, phối hợp với thanh tra giao thông tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại khu vực bị thiên tai, kiểm soát chặt chẽ phương tiện giao thông qua các đoạn đường ngập, lụt, sạt lở đất, sụt lún;

- Phối hợp với các lực lượng thực hiện nhiệm vụ ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

3.5. Sở Giao thông Vận tải:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo giao thông thông suốt, phân luồng giao thông khi cần thiết trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ; nắm bắt thông tin, có phương án đề phòng, xử lý các vị trí sạt lở, ngập lụt gây ách tắc giao thông và thực hiện tốt công tác báo cáo tình hình giao thông trong mùa mưa lũ;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án huy động phương tiện vận tải đáp ứng yêu cầu ứng phó thiên tai và sơ tán nhân dân khi có yêu cầu.

3.6. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời trong mọi tình huống từ tỉnh đến các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, thôn, bản. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị viễn thông, bưu chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo liên lạc, kịp thời chuyển thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó thiên tai, nâng cao nhận thức cộng đồng.

3.7. Sở Công Thương:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án dự trữ, đảm bảo cung cấp hàng hoá, nhu yếu phẩm cần thiết, nhất là lương thực và nước uống, sẵn sàng cung cấp cho vùng bị thiên tai, ngập, lụt nhất là các vùng có nguy cơ bị cô lập. Chỉ đạo công tác giám sát, kiểm tra quản lý thị trường, giá vật tư, vật liệu xây dựng... tại vùng bị ảnh hưởng của thiên tai;

- Chỉ đạo các chủ hồ thủy điện xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho công trình trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra, xây dựng quy trình vận hành hồ chứa trong mùa mưa lũ đảm bảo vận hành an toàn cho vùng hạ du, bố trí nhân lực, vật tư, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ kịp thời, đảm bảo an toàn công trình khi gặp sự cố;

- Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Kạn xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn hệ thống nguồn, lưới điện trong mọi tình huống để đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai.

3.8. Sở Y tế:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý dịch bệnh... xuất hiện sau thiên tai. Có kế hoạch phân bổ cơ sở hóa chất phòng, chống dịch bệnh;

- Xây dựng, thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở y tế khi xảy ra ngập lụt, sạt lở đất để nhanh chóng cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống

khẩn cấp, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở y tế hoạt động, tuyệt đối không để người bệnh, nhân viên y tế bị thiệt mạng do lũ, bão, thiên tai.

3.9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Lập kế hoạch, cân đối các nguồn lực để đầu tư xây dựng công trình phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

3.10. Sở Tài chính:

Đảm bảo kinh phí đáp ứng kịp thời cho công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả, trợ cấp khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng thiên tai và tu sửa công trình phòng chống lụt bão, công trình bị hư hại do thiên tai.

3.11. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp, đôn đốc Đài Khí tượng thủy văn Bắc Kạn thực hiện tốt công tác dự báo, phát các bản tin dự báo, cảnh báo về bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lũ cải tiến nâng cao chất lượng nội dung, hình thức cung cấp thông tin dự báo phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận; theo dõi, quan trắc, dự báo sớm lưu lượng lũ trên sông để chủ động ứng phó có hiệu quả;

Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện các biện pháp vệ sinh, xử lý, đảm bảo môi trường trước, trong, sau thiên tai.

3.12. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ thiết bị, cơ sở hạ tầng thông tin, truyền hình. Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn Bắc Kạn, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, đăng tải, đưa tin kịp thời, đúng quy định về dự báo, cảnh báo, diễn biến mưa lũ, các hình thái thiên tai và công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về phương án, các kiến thức về PCTT - TKCN nhằm giúp cộng đồng thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai có hiệu quả.

3.13. Đài Khí tượng thủy văn Bắc Kạn:

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo mưa, lũ, thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết, thủy văn của Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn Trung ương, các Đài Khí tượng thủy văn khu vực; cung cấp kịp thời các thông tin về mực nước, lượng mưa của các trạm trên địa bàn tỉnh; tổng hợp phát hành các bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát các bản tin thông báo, dự báo, cảnh báo về thiên tai theo quy định.

3.14. Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho các hồ, đập, hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu

nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; lập các quy trình vận hành an toàn hồ, đập theo quy định.

3.15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể - xã hội:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về phòng chống thiên tai; tham gia công tác vận động, cứu trợ sau rủi ro thiên tai.

3.17. Các đơn vị liên quan khác:

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện tốt phương án ứng phó thiên tai của ngành, đơn vị mình và nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó thiên tai chung của toàn tỉnh. Chấp hành nghiêm chỉnh sự điều động của cấp có thẩm quyền khi cần thiết.

4. Chế độ thông tin, báo cáo:

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

(Chi tiết tại biểu số 03)

5. Phân công trách nhiệm thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

(Chi tiết tại biểu số 02)

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

6.1. Nhiệm vụ:

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các huyện, thành phố được phân công về trong công tác PCTT-TKCN;

- Khi thiên tai xảy ra, có trách nhiệm chỉ đạo địa phương được phân công thực hiện ứng phó để giảm nhẹ những thiệt hại, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra;

- Thường xuyên liên lạc với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để nắm bắt diễn biến của thiên tai. Khi có lệnh của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh thì tiến hành thực hiện theo nhiệm vụ được giao;

- Khi đi kiểm tra các địa bàn được phân công cần thông báo cho Văn phòng PCTT-TKCN các huyện, thành phố cùng đi kiểm tra. Báo cáo Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh về mọi hoạt động của công tác PCTT-TKCN tại địa phương được phân công, đề xuất biện pháp giải quyết khi có sự cố.

6.2. Quyền hạn:

Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh có quyền thay mặt đồng chí Trưởng ban quyết định mọi công việc được phân công thuộc lĩnh vực ngành; địa bàn được giao phụ trách trong trường hợp khẩn cấp.

7. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

Giúp việc cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng phương án PCTT-TKCN trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Tổ chức thường trực tại Văn phòng theo đúng quy định;
- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến thời tiết, cảnh báo về các nguy cơ mưa, lũ có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chỉ đạo các ban, ngành, địa phương trong tỉnh chủ động thực hiện tốt công tác PCTT-TKCN. Tổng hợp về tình hình mưa, lũ, kết quả khắc phục báo cáo các cấp theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh giao.

8. Giải quyết hậu quả thiên tai:

Để giải quyết hậu quả thiên tai kịp thời, ổn định đời sống cho nhân dân vùng bị mưa, lũ. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phân cấp như sau:

8.1. Cấp tỉnh:

- UBND tỉnh Phê duyệt phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020, giao Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chỉ đạo toàn tỉnh thực hiện;
- Phân bổ ngân sách cho các công trình, dự án, các địa phương để khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra;
- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh thực hiện nhiệm vụ được giao theo đúng qui định;
- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chỉ đạo các đơn vị địa phương khẩn trương tổ chức khắc phục hậu quả, học rút kinh nghiệm sau những đợt thiên tai xảy ra đề ra những biện pháp giải quyết triệt để hậu quả do thiên tai gây ra.

8.2. Cấp huyện, thành phố:

Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện, thành phố huy động lực lượng để xử lý các sự cố, khắc phục hậu quả, đánh giá mức độ thiệt hại, đề xuất biện pháp hỗ trợ khẩn cấp, phục hồi sản xuất sau thiên tai.

Tổng hợp thiệt hại (theo mẫu) báo cáo Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh hậu quả thiên tai với các nội dung:

- Thiệt hại về người và tài sản của nhân dân;
- Thiệt hại đối với các công trình giao thông, thủy lợi, nước sạch, trường học... biện pháp, kinh phí khắc phục;
- Tổ chức thăm hỏi, cứu trợ đột xuất; hỗ trợ phục hồi sản xuất; xử lý môi trường... vùng bị thiên tai. Chủ động sử dụng ngân sách dự phòng của địa phương để hỗ trợ, nếu vượt quá khả năng của địa phương cần báo cáo UBND tỉnh để giải quyết kịp thời;

Riêng UBND huyện Ba Bể phối hợp với Vườn Quốc gia Ba Bể và các đơn vị liên quan xây dựng Phương án phòng chống thiên tai trong đó có phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy trên khu vực Hồ Ba Bể và trên sông Năng để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện;

UBND thành phố Bắc Kạn phối hợp với đơn vị quản lý dự án hồ chứa nước Nậm Cắt xây dựng chương trình phối hợp để thuận tiện trong công tác chỉ đạo điều hành và đảm bảo an toàn khi có sự cố.

Căn cứ Phương án được UBND tỉnh phê duyệt, các cấp, ngành, địa phương tổ chức thực hiện chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai gây ra./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

**BIỂU 1: TỔNG HỢP DANH ĐIỂM CÓ NGUY CƠ THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
BẮC KẠN NĂM 2020**

Kèm theo **531** / QĐ-UBND ngày **30** tháng **3** năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn

TT	Tên danh điểm, số điểm	Số điểm, hộ	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai					
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm		
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình
I	Tổng toàn tỉnh							
	Số điểm	376						
	Tổng số hộ	2.115	1.549	203	363	160	939	1.016
II	Các địa phương							
1	HUYỆN BA BÊ							
	Số điểm	90						
	Tổng số hộ	439	329	18	92	29	268	142
2	HUYỆN CHỢ ĐỒN							
	Số điểm	46						
	Tổng số hộ	164	126	37	1	0	35	129
3	HUYỆN NGÂN SƠN							
	Số điểm	14						
	Tổng số hộ	43	36	7	0	11	10	22
4	HUYỆN CHỢ MỚI							
	Số điểm	58						
	Tổng số hộ	383	256	30	97	30	147	206
5	HUYỆN PÁC NẠM							
	Số điểm	37						
	Tổng số hộ	407	333	71	3	61	121	225
6	TP BẮC KẠN							
	Số điểm	54						
	Tổng số hộ	391	259	8	124	13	185	193
7	HUYỆN NA RÌ							
	Số điểm	30						
	Tổng số hộ	136	103	3	30	2	81	53
8	HUYỆN BẠCH THÔNG							
	Số điểm	47						
	Tổng số hộ	152	107	29	16	14	92	46


1.1 HUYỆN BA BÈ

TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai					
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm		
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình
A	TOÀN HUYỆN							
	Số điểm	90						
	Tổng số hộ	439	329	18	92	29	268	142
B	CHI TIẾT							
1	Thôn Pác Phai	Thượng Giáo	3				3	
2	Bản Ngủ 2	Thượng Giáo	4				1	3
3	Nà Chả	Thượng Giáo	3					3
4	Phiêng Toản	Thượng Giáo	4			2	1	1
5	Kéo Pứt	Thượng Giáo	2				1	1
6	Thôn Bản Lạ	Yến Dương	2				2	
7	Thôn Nà Viên	Yến Dương	2				2	
8	Thôn Nà Giào	Yến Dương	7				7	
9	Thôn Loóng Lúng	Yến Dương	5				5	
10	Thôn Khuổi Luôm	Yến Dương	2				2	
11	Thôn Nà Pài	Yến Dương	2				2	
12	Thôn Bản Cám	Nam Mẫu	4	1	3		1	7
13	Thôn Nà Nghè	Nam Mẫu	2					2
14	Thôn Bó Lũ	Nam Mẫu	7				2	5
15	Thôn Khau Qua	Nam Mẫu	2				1	1
16	Thôn Bản Chán	Đồng Phúc		3			3	
17	Thôn Lũng Minh	Đồng Phúc	4				4	
18	Thôn Nà Cà	Đồng Phúc	1			1		
19	Thôn Khưa Quang	Đồng Phúc	2			1	1	
20	Thôn Tản Lũng	Đồng Phúc	2				2	
21	Thôn Nà Bjoóc	Đồng Phúc	5				5	
22	Thôn Nà Hai	Quảng Khê	2				2	
23	Thôn Pù Lũng	Quảng Khê	2				2	
24	Thôn Lũng Quang	Quảng Khê			5		5	
25	Thôn Chợ Lèng	Quảng Khê			11		11	
26	Thôn Léo Keo	Quảng Khê			17		17	
27	Thôn Tổng Chảo	Quảng Khê	1					1
28	Thôn Nà Hai	Quảng Khê	1					1
29	Thôn Nà Vài	Quảng Khê	3					3
30	Thôn Nà Đúc	Địa Linh	13					13
31	Thôn Pác Nghè	Địa Linh	4					4
32	Thôn Bản Vàng	Địa Linh	9				3	6

33	Thôn Tát Dài	Địa Linh	7					7
34	Thôn Nà Lìn	Địa Linh	3					3
35	Thôn Nà Mô	Địa Linh	3					3
36	Thôn Nà Cây	Địa Linh	1					1
37	Thôn Khuổi Sảng	Bành Trạch	1					1
38	Thôn Bản Hòn	Bành Trạch		1			1	
39	Thôn Bản Láp	Bành Trạch	1				1	
40	Thôn Nà Còi	Bành Trạch	2			1	1	
41	Thôn Tổng Lâm	Bành Trạch	1				1	
42	Thôn Pác Châm	Bành Trạch	2				2	
43	Thôn Khuổi Khét	Bành Trạch	1				1	
44	Khuổi Trà	Phúc Lộc	1				1	
45	Khuổi Tàu	Phúc Lộc	2				2	
46	Cốc Diên	Phúc Lộc	2				2	
47	Cốc Muối	Phúc Lộc	1				1	
48	Phia Phạ	Phúc Lộc	1				1	
49	Nà Hối	Phúc Lộc	4				4	
50	Thôn Đon Dài	Chu Hương	3				2	1
51	Thôn Bản Pục	Chu Hương		1		1		
52	Thôn Pù Mát	Chu Hương		1		1		
53	Thôn Khuổi Coóng	Chu Hương	1				1	
54	Nà Đông	Chu Hương	5			3	2	
55	Thôn Nà Cọ	Hoàng Trĩ	2					2
56	Thôn Nà Lườn	Hoàng Trĩ	1					1
57	Thôn Coọc Mu	Hoàng Trĩ	1					1
58	Thôn Đông Đăm	Hà Hiệu	4				4	
59	Thôn Nà Ma	Hà Hiệu	1				1	
60	Thôn Cốc Lót	Hà Hiệu	2				2	
61	Thôn Bản Mới	Hà Hiệu	1				1	
62	Thôn Khuổi Khún	Mỹ Phương	3				3	
63	Thôn Pùng Chằm	Mỹ Phương	2				2	
64	Thôn Phiêng Phường	Mỹ Phương	1				1	
65	Thôn Khuổi Tăng	Cao Thượng	10		5		7	8
66	Thôn Khuổi Tàu	Cao Thượng	5	11			16	
67	Thôn Bản Cài	Cao Thượng	16			5	7	4
68	Thôn Nặm Cắm	Cao Thượng	5			1	4	
69	Thôn Bản Cắm	Cao Thượng	4				4	
70	Thôn Tọt Còn	Cao Thượng	2				2	
71	Thôn Khuổi Hao	Cao Thượng	1				1	
72	Thôn Nà Siến	Cao Thượng	1				1	

73	Thôn Ngạm Khét	Cao Thượng	1				1	
74	Thôn Nà Kiêng	Khang Ninh	1				1	
75	Thôn Cùm Pán	Khang Ninh	1					1
76	Thôn Bản Nân	Khang Ninh	5		8	5		8
77	Thôn Nà Làng	Khang Ninh	5		13			18
78	Thôn Bản Vải	Khang Ninh	1		10			11
79	Thôn Pác Nghè	Khang Ninh	2			1	1	
80	Tiểu khu 1	Thị trấn	3		8		3	8
81	Tiểu khu 2	Thị trấn	13				13	
82	Tiểu khu 3	Thị trấn	5				5	
83	Tiểu khu 4	Thị trấn	18				18	
84	Tiểu khu 5	Thị trấn	12		6		12	6
85	Tiểu khu 6	Thị trấn	5			5		
86	Tiểu khu 7	Thị trấn	14				14	
87	Tiểu khu 8	Thị trấn	16				16	
88	Tiểu khu 9	Thị trấn	8				8	
89	Tiểu khu 10	Thị trấn	6				6	
90	Tiểu khu 11	Thị trấn	9		6	2	6	7

1.2 HUYỆN CHỢ ĐÒN



TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai					
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm		
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình
A	TOÀN HUYỆN							
	Số điểm	46						
	Tổng số hộ	164	126	37	1	0	35	129
B	CHI TIẾT							
1	Nà Bay	Xã Bằng Phúc	3					3
2	Nà Pài	Xã Bằng Phúc	2					2
3	Tổ 1	TTBằng Lũng	2					2
4	Tổ 10	TTBằng Lũng	3					3
5	Tổ 13	TTBằng Lũng	4					4
6	Tổ 16	TTBằng Lũng	5					5
7	Tổ 17	TTBằng Lũng	4					4
8	Thôn Bàn Diều	Xã Ngọc Phái	6	1				7
9	Thôn Nà Tùm	Xã Ngọc Phái	3					3
10	Thôn Phiêng Liêng 2	Xã Ngọc Phái	3					3
11	Thôn Bàn Ồm	Xã Ngọc Phái	3					3
12	Thôn Bàn Cuôn 1	Xã Ngọc Phái	3					3
13	Bàn Cưa	Xã Bằng Lãng	6					6
14	Khuổi Xóm	xã Yên Phong	1					1
15	Nà Chúa	Xã Phương Viên	1				1	
16	Thôn Nà Giò	Xã Yên Mỹ	2	1				3
17	Thôn Nà Huống, Che ngù, Nà Khuốt	Xã Yên Thượng	9	6				15
18	Kéo Nàng	Xã Bản Thi	2					2
19	Thôn Bàn Tùn	Xã Xuân Lạc	2				2	
20	Thôn Bàn Ó	Xã Xuân Lạc	6				4	2
21	Thôn Bàn Chang	Lương Bằng	1				1	
22	Thôn Nà Bư	Lương Bằng	3				3	
23	Thôn Bàn Vèn	Lương Bằng	4				4	
24	Thôn Nà Mương	Lương Bằng		1			1	
25	Thôn Nà Lùng	Lương Bằng	1	5			6	
26	Thôn Nà Chiếm	Lương Bằng	1				1	
27	Thôn Cốc quang	Xã Đông Thắng	4				4	
28	Thôn Nà Cọ	Xã Đông Thắng	1					1

29	Thôn Bàn Cẩu	Xã Đông Thắng		1				1
30	Thôn Làng Sen	Xã Đông Thắng	4				1	3
31	Thôn Nà Mèo	Xã Đông Thắng	3					3
32	Thôn Nà Chang	Xã Đông Thắng	2					2
33	Thôn Cốc Héc	Xã Đông Thắng	8					8
34	Thôn Nà Pèng	Xã Đông Thắng	1					1
35	Thôn Nà Cà	Xã Nghĩa Tá	1	2				3
36	Thôn Nà Kiến	Xã Nghĩa Tá	1	3				4
37	Thôn Kéo Tôm	Xã Nghĩa Tá	1	7			1	7
38	Thôn Nà Deng	Xã Nghĩa Tá	2					2
39	Thôn Nà Tông	Xã Nghĩa Tá		3			1	2
40	Thôn Nà Đầy	Xã Nghĩa Tá	3					3
41	Thôn Nà Khẩn	Xã Nghĩa Tá		4				4
42	Thôn Bàn Lạp	Xã Nghĩa Tá		3				3
43	Thôn Bàn Bằng	Xã Nghĩa Tá			1			1
44	Thôn Khuổi Đầy	Xã Bình Trung	6					6
45	Thôn Bàn Pèo	Xã Bình Trung	4					4
46	Thôn Nà Phầy	Xã Bình Trung	5				5	

1.3 HUYỆN NGÂN SƠN


TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai					
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm		
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập ứng	Rất cao	Cao	Trung bình
A	TOÀN HUYỆN							
	Số điểm	14						
	Tổng số hộ	43	36	7	0	11	10	22
B	CHI TIẾT							
1	Đèo Gió	Vân Tùng	8			8		
2	Tân ý I	Vân Tùng	1			1		
3	Thảm Ông	Thượng Ân	3					3
4	Khuổi sắt	Thượng Ân	1			1		
5	Tênh Kiệt	Thượng Quan	1				1	
6	Pù Piốt	Thượng Quan	2	4				
7	Nà Ngần	Thượng Quan	1			1		6
8	Nà Chúa	Thuần Mang	3					3
9	Khuổi Tục	Thuần Mang	7					7
10	Cốc Mông	Cốc Đán	1				1	
11	Nà Cháo	Cốc Đán	2				2	
12	Khuổi Ngoài	Cốc Đán	2				2	
13	Pà Pán	Trung Hòa	4				4	
14	Cảng Cào	Trung Hòa		3				3



1.4 HUYỆN CHỢ MỚI

TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai						Ghi chú
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm			
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình	
A	TOÀN HUYỆN								
	Số điểm	58							
	Tổng số hộ	383	256	30	97	30	147	206	
B	CHI TIẾT								
1	Thôn Thôm Châu	Yên Hân		6	2		8		
2	Thôn Nà Đon, Nà Sao, Chợ Tinh 2	Yên Hân	15				9	6	
3	Thôn Nà Mố	Bình Văn	2					2	
4	Thôn Khuôn Táng	Bình Văn	14					14	
5	Thôn Bàn Mới	Bình Văn	2					2	
6	Thôn Tài Chang	Bình Văn	2	7		7	2		
7	Thôn Thôm Bó	Bình Văn	20			1		19	
8	Thôn Đon Cột	Bình Văn	17					17	
9	Thôn Thôm Thoi	Bình Văn	6					6	
10	Hồ Thôm Bó	Bình Văn			1			1	
11	Hồ Khuổi Luông	Bình Văn			1			1	
12	Phai Bàn Nà	Bình Văn		1				1	
13	Phai Pục 1+2	Bình Văn		1				1	
14	Phai Sa 1+2	Bình Văn		1				1	
15	Công trình NSH Thôm Thoi	Bình Văn		1				1	
16	Khu Nà Kẹm, thôn Bàn Quất	Như Cố			1			1	
17	Khu Khau Búng, thôn Bàn Quất	Như Cố	6				6		
18	Bản Cháo	Yên Cư	4					4	
19	Nà Hoạt	Yên Cư	5					5	
20	Thôn Bản Đôn, Bản Giác (Khu vực dân cư Năm Tộc - Bản Giác)	Hòa Mục	25				20	5	Có 20 bị cả sạt lở và lũ ống, lũ quét
21	Thôn Bàn Vọt (Km8+800;Km9+200)	Hòa Mục	x				x		
22	Khu cuối thôn Xí Nghiệp	Nông Hạ			4			4	
23	Khu cuối thôn Bàn Tét 2 giáp thôn Xí Nghiệp	Nông Hạ			2			2	
24	Khu vực Nà Chú, thôn Reo Dài	Nông Hạ	1			3		4	

25	Khu gần trung tâm thôn Khe Thi 1	Nông Hạ	4				4	
26	Khu nhà ông Mai Văn Hậu, thôn Bàn Tết 1	Nông Hạ	1				1	
27	Khu gần cầu Sáu Hai, thôn Sáu Hai	Nông Hạ	1			1		
28	Khu giáp trường cấp 1, thôn Sáu Hai	Nông Hạ	2				2	
29	Khu Nà Thán, thôn Nà Quang	Nông Hạ	3				3	
30	Khu Hìn Phéc, thôn Nà Quang	Nông Hạ	4			4		
31	Khu Nà Ba, thôn Khe Thuồng	Nông Hạ	4			4		
32	Cầu trần thôn Cửa Khe	Quảng Chu			20		20	
33	Thôn Nà Lăng	Quảng Chu			40		40	
34	khu vực Lũng Cúc, thôn Nặm Bó	Yên Đĩnh	4				4	
35	Khu vực Hìn Chiêng, thôn Tổng Cồ	Yên Đĩnh	3				3	
36	Công 2, thôn Bàn Lù	Tân Sơn	2				2	
37	Thôn Bàn Lù	Tân Sơn	3				3	
38	Đá đen, thôn Nà Khu	Tân Sơn	1				1	
39	Khu trường học, Thôn Khuổi Đeng	Tân Sơn			10		10	
40	Thôn Nặm Dát	Tân Sơn	4				4	
41	Đường 259B tại các thôn Nà Pai, Nà Pên, Roóng Tùm	Thanh Mai	4				4	
42	Đường 259A, tại các thôn Bàn Kéo, Trung Tâm, Bàn Pjái, Phiêng Luông.	Thanh Mai	49				49	
43	Đường liên thôn Nà Pên – Khuổi Phây	Thanh Mai	3				3	
44	Đường liên thôn Bàn Tý - Khuổi Dạc	Thanh Mai	7				7	
45	Thôn Khau Ràng	Mai Lạp	1			1		
46	Thôn Nà Điếng	Mai Lạp			1	1		
47	Tổ 6, tổ 7, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm			7		7	
48	Tổ 6, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm		10			10	
49	Tổ 1, tổ 2, tổ 7, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm	24				24	



50	Thôn Nà Chúa	Thanh Vận	6				6		
51	Nà Kham	Thanh Vận			5		5		
52	Nà Rẫy	Thanh Vận	1				1		
53	Quan Làng	Thanh Vận	1				1		
54	Tuyên đường từ thôn Cầm lạng vào thôn Khe Lắc	Thanh Thịnh	3					3	
55	Khu vực thôn Nà Đeo	Thanh Thịnh	1					1	
56	Khu vực thôn Khe Lắc	Thanh Thịnh	1					1	
57	Khu Vực Nà My, thôn Khuổi Tai	Thanh Thịnh		3			3		
58	Kè Khuổi Thều (ảnh hưởng đất nông nghiệp)	Cao Kỳ	x						



1.5 HUYỆN PÁC NĂM

TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai						
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm			
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình	
A	TOÀN HUYỆN								
	Số điểm	37							
	Tổng số hộ	407	333	71	3	61	121	225	
B	CHI TIẾT								
1	Thôn Pác Nặm	Bằng Thành	9					9	
2	Thôn Khên Lèn	Công Bằng	2					2	
3	Thôn Cốc Nọt	Công Bằng	2					2	
4	Thôn Nặm Sai	Công Bằng	7						7
5	Thôn Nà Chảo	Công Bằng	7						7
6	Thôn Pác Cáp	Công Bằng	4				4		
7	Thôn Khấp Khính	Công Bằng	3						3
8	Thôn Nặm Đăm	Cao Tân	28					2	26
9	Thôn Chè Pang	Cao Tân	25						25
10	Thôn Đuông Nưa	Cao Tân		2				2	
11	Thôn Nà Quạng	Cao Tân	26					1	25
12	Thôn Phiêng Puốc	Cao Tân	19						19
13	Thôn Nà Lài	Cao Tân	17						17
14	Thôn Lũng Pạp	Cao Tân	9						9
15	Thôn Khuổi Bốc	Xuân La	6						6
16	Thôn Nà Nghè	Bộc Bó				1			1
17	Ban chỉ huy quân sự huyện	Bộc Bó	1					1	
18	Thôn Khau Slôm	Giáo Hiệu	1						1
19	Thôn Khuổi Lè	Giáo Hiệu	1	2					3
20	Thôn Slam về	Nhận Môn	20				5	11	4
21	Thôn Nặm Khiếu	Nhận Môn	22				4	12	6
22	Thôn Ngảm Váng	Nhận Môn	14				4	6	4
23	Thôn Phiêng Tạc	Nhận Môn	19	6			9	11	5
24	Thôn Vy Lạp	Nhận Môn	12	17			12	7	10
25	Thôn Phai Khim	Nhận Môn	15				2	3	10
26	Thôn Nà Bè	Nhận Môn	17				9	4	4
27	Thôn Khuổi Ở	Nhận Môn	21	19			9	13	18
28	Thôn Nà bè	Nhận Môn		7			1	2	4
29	Thôn Phai Khim	Nhận Môn		18			2	5	11
30	Thôn Phiêng Tạc	Nhận Môn				1			1
31	Thôn Phai Khim	Nhận Môn				1			1
32	Thôn Phia Đeng	Nghiên Loan	1						1
33	Thôn Tân Hợi	An Thắng	19						19

34	Thôn Nà Mu	An Thắng	1				1	
35	Thôn Lùng Vài	Cổ Linh	2				2	
36	Thôn Thôm Niêng	Cổ Linh	2				2	
37	Thôn Cốc Nghè	Cổ Linh	1				1	

1.6 HUYỆN NA RÍ

TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai						
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm			
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình	
A	TOÀN HUYỆN								
	Số điểm	30							
	Tổng số hộ	136	103	3	30	2	81	53	
B	CHI TIẾT								
1	Khu Tóc Lù thôn Kim Vân	Kim Hỷ			15		5	10	
2	Khu Nà Còi thôn Bàn Vèn	Kim Hỷ	2				2		
3	Khu Cốc Pục thôn Bàn Kẹ	Kim Hỷ	5				4	1	
4	Khuôi Vuông Thòng Khéo thôn Cốc Tém, Nà Ân	Kim Hỷ	2				2		
5	Khu Pác Phai thôn Bàn Vín	Kim Hỷ	2	1			3		
6	Khu Cầu Trắng Khuôi Nộc, Pàn xà, Bàn Giang	Lương Thượng	2		3		2	3	
7	Khu Cốc Keng Lùng Pàng	Côn Minh			12		7	5	
8	Khu Bàn Cào thôn Bàn Cào	Côn Minh	8				1	7	
9	Khu Lùng Tát thôn Áng Hin	Côn Minh	5				4	1	
10	Khu Nà Tà Bàn Lài, Khôn Hin, Nưa Háng khu thôn Chợ A, B	Côn Minh	2	2			3	1	
11	Khu Khuổi Lý, Khuổi Kim thôn Nà Pi	Liên Thủy	2				2		
12	Khu Kim Pao thôn Khuổi Táy A	Liên Thủy	2				2		
13	Khu thôn Bàn Cải	Liên Thủy	3				3		
14	Khu Khuổi Lý thôn Lũng Danh	Liên Thủy	6				2	4	
15	Khu Đồi Pò Vầu thôn Nà Cầm	Văn Vũ	2				1	1	
16	Khu Đồi Pò Mi thôn Pò cạ,	Văn Vũ	2					2	
17	Điểm Pàn pháy thôn Pò Rản	Văn Vũ	2				1	1	

18	Điểm Pò Sâu thôn Nà Ca	Văn Vũ	2				1	1
19	Khu thôn Thôm Kinh	Văn Vũ	8				5	3
20	Khu Lũng Duốc thôn To Đoóc	Văn Lang	4					4
21	Khu thôn Cốc Phia	Văn Lang	13				6	7
22	Khu Sác Sái, Phác Phàn Khuổi Quân	Cư Lễ	5				3	2
23	Khu thôn Khuổi Khiếu	Hữu Thác	2				2	
24	Khu Nà Đeng	Cường Lợi	2				2	
25	Khu Lũng Vài thôn Khuổi Luông	Sơn Thành	5				5	
26	Khu Thôn Nà Lặng, Nà Pàn	Sơn Thành	2				2	
27	Khu Thôn Nà Lặng, Nà Pàn	Sơn Thành	2				2	
28	Khu thôn Khuổi Kheo	Dương Sơn	5			2	3	
29	Khu Thôn Khuổi Cáy	Đồng Xá	1				1	
30	Khu chợ Xuân Dương	Xuân Dương	5				5	




1.7 THÀNH PHỐ BẮC KẠN

TT	Tên danh điểm, số điểm	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai							
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm				
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình		
A	TOÀN THÀNH PHỐ									
	Số điểm	54								
	Tổng số hộ	391	259	8	124	13	185	193		
B	CHI TIẾT									
1	Thôn Bàn Bung	Xã Dương Quang	3			1	1	1		
2	Thôn Nà Di	Xã Dương Quang	4	2		2	2	2		
3	Thôn Nà Cườm	Xã Dương Quang	1				1			
4	Thôn Nà Oì	Xã Dương Quang		6			4	2		
5	Thôn Phặc Tràng	Xã Dương Quang			15		15			
6	Thôn Nam Đội Thân	Xã Nông Thượng	8				7	1		
7	Thôn Tân Thành	Xã Nông Thượng	7				7			
8	Thôn Nà Bàn	Xã Nông Thượng	2			2				
9	Thôn Khuổi Chang	Xã Nông Thượng	6			2		4		
10	Thôn Nà Kẹn	Xã Nông Thượng	6			1	1	4		
11	Thôn Nà Choong	Xã Nông Thượng	1					1		
12	Thôn Thôm Luông	Xã Nông Thượng	2					2		
13	Thôn Nà Điều	Xã Nông Thượng	1					1		
14	Tổ 1B	Phường P.Chí Kiên	4					4		
15	Tổ 3	Phường P.Chí Kiên	15					15		
16	Tổ 4	Phường P.Chí Kiên			3			3		
17	Tổ 7	Phường P.Chí Kiên	3					3		
18	Tổ 8A	Phường P.Chí Kiên	6		7			13		
19	Tổ 9	Phường P.Chí Kiên	12					12		
20	Tổ 10	Phường P.Chí Kiên	16					16		
21	Tổ 11	Phường P.Chí Kiên	9		5			14		
22	Tổ 12	Phường P.Chí Kiên	17		7			24		
23	Tổ 1A	Phường Đức Xuân	11							11
24	Tổ 3	Phường Đức Xuân				1				1
25	Tổ 4	Phường Đức Xuân	5					2		3
26	Tổ 9A	Phường Đức Xuân	1							1

27	Tổ 11A	Phường Đức Xuân			7			7
28	Tổ 11B	Phường Đức Xuân	4				2	2
29	Tổ 11C	Phường Đức Xuân	28					28
30	Tổ Giao Lâm	P. Huyền Tụng			5			5
31	Tổ Khuổi Thuồm	P. Huyền Tụng	12		2		12	2
32	Tổ Khuổi Pái	P. Huyền Tụng	1				1	
33	Tổ Tân Cư	Phường Xuất Hóa	12			4	8	
34	Tổ Bản Pjạt	Phường Xuất Hóa	1			1		
35	Tổ 1	Phường Sông Cầu			2			2
36	Tổ 2	Phường Sông Cầu			3			3
37	Tổ 3	Phường Sông Cầu			10			10
38	Tổ 4	Phường Sông Cầu			15			15
39	Tổ 5	Phường Sông Cầu			7			7
40	Tổ 6	Phường Sông Cầu			5			5
41	Tổ 7	Phường Sông Cầu			5			5
42	Tổ 8	Phường Sông Cầu			4			4
43	Tổ 9	Phường Sông Cầu			5			5
44	Tổ 12	Phường Sông Cầu	2		8			10
45	Tổ 13	Phường Sông Cầu	5		5			10
46	Tổ 14	Phường Sông Cầu	3		3			6
47	Tổ 15	Phường Sông Cầu	2					2
48	Tổ 16	Phường Sông Cầu	10				10	
49	Tổ 19	Phường Sông Cầu	8				8	
50	Tổ 2	P.NT Minh Khai	7					7
51	Tổ 7	P.NT Minh Khai	6					6
52	Tổ 12	P.NT Minh Khai	6					6
53	Tổ 13	P.NT Minh Khai	3					3
54	Tổ 14	P.NT Minh Khai	9					9

1.8 HUYỆN BẠCH THÔNG



TT	Tên danh điểm,	Địa điểm	Số hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai						
			Theo nguy cơ thiên tai			Theo mức độ nguy hiểm			
			Sạt lở đất đá	Lũ ống, lũ quét	Ngập úng	Rất cao	Cao	Trung bình	
A	TOÀN HUYỆN								
	Số điểm	47							
	Tổng số hộ	152	107	29	16	14	92	46	
B	CHI TIẾT								
1	Thôn 1A Nà Loạn	Sỹ Bình		1				1	
2	Thôn Nà Phja	Sỹ Bình	2			2			
3	Thôn Khuổi Đẳng	Sỹ Bình	3			3			
4	Thôn Pù Cà	Sỹ Bình	1			1			
5	Thôn Nà Váng	Đôn Phong		4	2			6	
6	Thôn Bản Chiêng	Đôn Phong	9					9	
7	Thôn Nà Pán	Đôn Phong			6			6	
8	Thôn Vàng Bó	Đôn Phong	3					3	
9	Thôn Nà Tà	Tân Tú			5				5
10	Thôn Pò Deng	Tân Tú	1						1
11	Thôn Bản Mới	Tân Tú	2					1	1
12	Thôn Khuổi Sha	Tân Tú	6				1	3	2
13	Thôn Nà Phát	Tân Tú	2					2	
14	Thôn Còi Mò	Tân Tú	4			1		5	
15	Thôn Thủy Điện	Vi Hương		4				4	
16	Thôn Địa Cát	Vi Hương	1	3					4
17	Thôn Bó Lịn	Vi Hương	5	3				2	6
18	Thôn Nà Ít	Vi Hương	6						6
19	Thôn Nà Pái	Vi Hương	6						6
20	Thôn Nà Chá	Vi Hương	1	2					3
21	Thôn Đon Bậy	Vi Hương	1					1	
22	Thôn Khau Ca	Mỹ Thanh	6					4	2
23	Thôn Khuổi Duộc	Mỹ Thanh	11					8	3
24	Thôn Bản Luông 1	Mỹ Thanh	2					2	
25	Thôn Bản Luông 2	Mỹ Thanh				2		2	
26	Thôn Phiêng Kham	Mỹ Thanh			1			1	
27	Thôn Bản Châng	Mỹ Thanh			2			2	
28	Thôn Nam Yên	Nguyễn Phúc		1				1	


29	Thôn Cáng Lò	Nguyễn Phúc	1			1		
30	Thôn Nà Kha	Quang Thuận	1			1		
31	Thôn Boóc Khún	Quang Thuận	1			1		
32	Thôn Nà Hìn	Quang Thuận	1			1		
33	Thôn Bàn Mèn	Xã Dương Phong	2					2
34	Thôn Bàn Mún I	Xã Dương Phong	1			1		
35	Thôn Khuổi Chanh	Xã Cẩm Giàng	5				3	2
36	Thôn Nà Ngảng	Quân Hà		6			6	
37	Thôn Thôm Pá	Quân Hà		3			3	
38	Thôn Khuổi Thiêu	Quân Hà	1				1	
39	Thôn Đông Bun	Vũ Muộn	1					1
40	Thôn Nà Món	Thị trấn Phủ Thông	1			1		
41	Thôn Chi Quảng A	Thị trấn Phủ Thông	4				4	
42	Thôn Chi Quảng B	Thị trấn Phủ Thông	1				1	
43	Phố Nà Hái	Thị trấn Phủ Thông	6				4	2
44	Thôn Pác Chang	Lục Bình	1				1	
45	Nà Cáy	Cao Sơn	3				3	
46	Thôn phụ	Cao Sơn	2				2	
47	Lùng lý	Cao Sơn	2				2	

**Biểu 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY
PCTT-TKCN TỈNH BẮC KẠN**

(Kèm theo Quyết định số 531 /QĐ-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

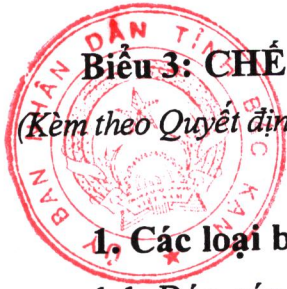
TT	Họ và tên	Chức vụ cơ quan	Chức vụ Ban chỉ huy	Lĩnh vực/địa bàn phụ trách
1	Lý Thái Hải	Chủ tịch UBND tỉnh	Trưởng ban	Phụ trách chung, chỉ đạo giải quyết các vấn đề quan trọng về thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên địa bàn tỉnh.
2	Đỗ Thị Minh Hoa	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh	Phó Trưởng ban Thường trực	Thường trực công tác PCTT và TKCN; tham mưu Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách về PCTT và TKCN; thay Trưởng Ban Chỉ huy công tác PCTT và TKCN khi được ủy quyền
3	Nông Quang Nhất	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng chống thiên tai	Phụ trách công tác phòng, chống thiên tai; tổ chức công tác phòng, tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh. Tổ chức và trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.
4	Đỗ Văn Tuấn	Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh	Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn	Phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai; tổ chức tìm kiếm, cứu nạn người, cứu hộ công trình và các phương tiện gặp sự cố do thiên tai.
5	Lăng Văn Hòa	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên	Tham mưu công tác kế hoạch phục vụ phòng tránh, ứng phó thiên tai.
6	Dương Văn Tính	Giám đốc Công an tỉnh	Thành viên	Phụ trách đảm bảo ANTT trong công tác PCTT - TKCN. Phụ trách huyện Ngân Sơn
7	Nguyễn Khánh Tùng	Giám đốc Sở Tài chính	Thành viên	Phụ trách công tác tài chính
8	Nguyễn Đình Học	Giám đốc Sở Y tế	Thành viên	Phụ trách công tác y tế, dịch bệnh sau thiên tai. Phụ trách huyện Pác Nặm.
9	Hà Văn Tiến	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Thành viên	Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của Ban chỉ huy. Phụ trách thành phố Bắc Kạn
10	Hoàng Hà Bắc	Giám đốc Sở Công Thương	Thành viên	Tham mưu việc dự trữ, cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân vùng bị cô lập khi

				thiên tai xảy ra. Phụ trách huyện Bạch Thông.
11	Nông Văn Kỳ	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Thành viên	Phụ trách công tác bảo vệ môi trường sau khi có thiên tai xảy ra. Phụ trách huyện Na Rì
12	Lèng Văn Chiến	Giám đốc Sở Xây dựng	Thành viên	Phụ trách công tác phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực xây dựng. Tham mưu cho BCH các khu nhà ở tránh, trú an toàn khi thiên tai xảy ra.
13	Ma Thế Quyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Thành viên	Phụ trách các hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Trần Trung Kiên	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Thành viên	Giải quyết chế độ chính sách hỗ trợ các trường hợp rủi ro xảy ra do thiên tai.
15	Hoàng Đức Chí	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Thành viên	Phụ trách công tác tuyên truyền phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
16	Nông Bình Cương	Bí thư Tỉnh đoàn	Thành viên	Phụ trách công tác thanh niên tham gia công tác phòng tránh, ứng phó thiên tai.
17	Ma Nhật Hoài	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh	Thành viên	Phối hợp công tác vận động cứu trợ xã hội
18	Hà Kim Oanh	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Thành viên	Tham mưu cho Trưởng ban về tổ chức hoạt động của Ban. Chỉ đạo khôi phục các công trình Thủy lợi, phòng chống thiên tai.
19	Nguyễn Ngọc Cương	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Thành viên	Chỉ đạo công tác khôi phục các công trình nông thôn mới Trưởng tiểu ban hậu phương. Phụ trách huyện Chợ Mới.
20	Nguyễn Mỹ Hải	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Thành viên	Chỉ đạo công tác phục hồi sản xuất sau thiên tai. Phụ trách huyện Chợ Đồn.
21	Dương Ngọc Thuyết	Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải	Thành viên	Phụ trách công tác đảm bảo giao thông Phụ trách huyện Ba Bể



22	Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Thành viên	Phối hợp công tác cứu trợ xã hội
23	Hà Thị Liễu	Chủ tịch hội LHPN tỉnh	Thành viên	Phối hợp vận động trong công tác phòng tránh và ứng phó khi có thiên tai
24	Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Đài khí tượng thủy văn Bắc Kạn	Thành viên	Thực hiện công tác dự báo khí tượng thủy văn phục vụ công tác chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.
25	Nguyễn Văn Đức	Giám đốc công ty TNHH MTV quản lý công trình Thủy lợi Bắc Kạn	Thành viên	Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn hồ chứa thủy lợi; thực hiện nhiệm vụ khắc phục sửa chữa các công trình bị hư hỏng
26	Triệu Văn Thanh	Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	Thành viên kiêm Chánh văn phòng	Tham mưu cho BCH về tổ chức hoạt động của Ban; hội nghị, họp bất thường ... Phụ trách Văn phòng PCTT-TKCN tỉnh.
27	Đới Văn Thiều	Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	Thành viên kiêm Phó Chánh văn phòng	Giúp việc cho Chánh Văn phòng trong thực hiện nhiệm vụ





Biểu 3: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG CÔNG TÁC PCTT-TKCN

(Kèm theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. Các loại báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại

1.1. Báo cáo nhanh tình hình thiên tai và thiệt hại (Báo cáo nhanh): Được lập ngay sau khi thiên tai xảy ra. Thời gian báo cáo, thực hiện trước 24 giờ tính từ khi xảy ra thiên tai và được báo cáo hàng ngày cho đến khi kết thúc đợt thiên tai.

1.2. Báo cáo tổng hợp đợt thiên tai: Được thực hiện khi kết thúc thống kê, đánh giá thiệt hại, kết thúc đợt thiên tai, áp dụng đối với những loại hình thiên tai xuất hiện trong nhiều ngày hoặc loại thiên tai gây thiệt hại lớn phải thống kê, đánh giá trong thời gian dài.

1.3. Báo cáo định kỳ công tác phòng, chống thiên tai (báo cáo sơ kết sáu tháng, báo cáo tổng kết năm): Được thực hiện khi kết thúc 6 tháng đầu năm, tổng kết năm về công tác phòng, chống thiên tai.

1.4. Báo cáo đột xuất: Trong trường hợp cần có báo cáo thống kê để thực hiện các yêu cầu công việc về quản lý nhà nước, cơ quan yêu cầu báo cáo phải có văn bản nêu rõ mục đích, thời gian và các nội dung cần báo cáo.

1.5. Ngoài việc báo cáo bằng văn bản, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và các Sở, ngành phải thường xuyên thông tin và báo cáo qua điện thoại khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

2. Nội dung báo cáo

2.1. Báo cáo nhanh:

Tùy theo diễn biến của các loại hình thiên tai, mức độ và phạm vi ảnh hưởng, các nội dung chính được đề cập trong báo cáo gồm:

a) Tình hình thiên tai: Loại hình thiên tai; thời gian xuất hiện; diễn biến, cường độ và phạm vi ảnh hưởng; khu vực bị cô lập; độ ngập sâu (nếu có); thời gian kết thúc (trường hợp thiên tai đã kết thúc tại thời điểm báo cáo).

b) Công tác chỉ huy ứng phó: Nêu rõ việc chỉ huy, triển khai ứng phó với thiên tai. Kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo, trong đó nêu rõ số dân được di dời, sơ tán (nếu có).

c) Thống kê, đánh giá thiệt hại:

- Phần trình bày: Tùy theo loại hình thiên tai, tình hình thiệt hại để thống kê, đánh giá thiệt hại, trong trường hợp chưa thể thống kê, đánh giá đầy đủ thì nêu rõ là thiệt hại ban đầu. Các chỉ tiêu chính, gồm: Về người; về nhà ở; về giáo dục; về y tế; về nông nghiệp; về thủy lợi; về giao thông; một số chỉ tiêu khác quy định tại các Biểu mẫu từ 01 đến 06/TKTH - Phụ lục I, Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có). Riêng đối với thiệt hại về các công trình: Kè, hồ đập, sạt lở, công trình giao thông cần mô tả cụ thể: loại hư hỏng (sự cố); vị trí, địa điểm;

thời gian xuất hiện, quy mô, diễn biến sự cố đến thời điểm báo cáo. Ước giá trị thiệt hại trong trường hợp có thể.

- **Phân Biểu mẫu:** Thống kê các chỉ tiêu thiệt hại theo các Biểu mẫu từ 01/TKTH đến 06/TKTH- Phụ lục I, Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT) ước giá trị thiệt hại trong trường hợp có thể.

d) **Công tác khắc phục hậu quả:** Nêu rõ kết quả khắc phục hậu quả thiên tai đến thời điểm báo cáo bao gồm:

- Công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn về người, tài sản;
- Công tác khắc phục, sửa chữa công trình. Đối với các công trình phòng, chống thiên tai và công trình giao thông: Nêu rõ các hình thức xử lý; kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo và dự kiến thời gian hoàn thành;
- Công tác hỗ trợ thiệt hại về người, nhà ở, các nhu yếu phẩm thiết yếu và các hỗ trợ khắc phục hậu quả khác (nếu có).

đ) **Đề xuất, kiến nghị:**

Nêu rõ các nội dung kiến nghị đề ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

2.2. Báo cáo tổng hợp đợt thiên tai:

a) **Tình hình thiên tai:** Tóm tắt tình hình, diễn biến thiên tai từ khi xuất hiện đến khi kết thúc.

b) **Công tác chỉ huy ứng phó:** Tóm tắt công tác chỉ huy ứng phó của các cấp, các ngành trong quá trình xảy ra thiên tai.

c) **Kết quả triển khai công tác chỉ huy ứng phó:**

Tóm tắt các kết quả đã thực hiện (nếu có) bao gồm: Sơ tán, di dời dân; huy động lực lượng, phương tiện, vật tư và các kết quả triển khai khác (nếu có).

d) **Thống kê, đánh giá thiệt hại:**

- **Phần trình bày:** Thống kê đánh giá tình hình thiệt hại thông qua các chỉ tiêu chính gồm: Về người; về nhà ở; về giáo dục; về y tế; về nông nghiệp; về thủy lợi; về giao thông; một số chỉ tiêu khác quy định tại các Biểu mẫu từ 01 đến 06/TKTH - Phụ lục I, Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT (nếu có). Ước giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra.

- **Phân Biểu mẫu:** Thống kê các chỉ tiêu thiệt hại theo các Biểu mẫu từ 01/TKTH đến 06/TKTH- Phụ lục I, Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT và ước giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra.

đ) **Công tác khắc phục hậu quả:**

Tóm tắt kết quả khắc phục hậu quả bao gồm: Tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn về người, tài sản; khắc phục sự cố công trình; hỗ trợ thiệt hại về người, nhà ở, các nhu yếu phẩm thiết yếu và các hỗ trợ khắc phục hậu quả khác (nếu có).

e) Tồn tại, kiến nghị:

- Những nội dung còn tồn tại cần rút kinh nghiệm đối với các cấp, các ngành trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thông qua công tác phòng, chống với đợt thiên tai trên;

- Kiến nghị những nội dung vượt quá khả năng thực hiện của địa phương; đối với các loại thiên tai xảy ra trong thời gian ngắn, phạm vi hẹp, báo cáo nhanh đã thể hiện đầy đủ, chính xác các thông tin nêu trên thì được coi là báo cáo tổng hợp đợt thiên tai.

2.3. Báo cáo định kỳ công tác phòng, chống thiên tai (báo cáo sơ kết sáu tháng, báo cáo tổng kết năm):

a) Tóm tắt tình hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn, trong đó nêu rõ đã xuất hiện bao nhiêu đợt thiên tai, số lần xuất hiện của từng loại thiên tai.

b) Công tác chỉ huy ứng phó: Nêu rõ việc chỉ huy, triển khai phòng, ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả; kết quả đạt được.

c) Thống kê, đánh giá thiệt hại:

- Phần trình bày: Thống kê đánh giá các chỉ tiêu thiệt hại chính trong thời gian báo cáo định kỳ: Về người, về nhà ở, về giáo dục, về y tế, về nông nghiệp, về thủy lợi, về giao thông, một số chỉ tiêu khác (nếu có) và ước tổng giá trị thiệt hại.

- Phần biểu: Thống kê theo biểu mẫu 07/TKTH và 08/TKTH- Phụ lục I, Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT và ước giá trị thiệt hại bằng tiền đối với các chỉ tiêu tính ra tiền.

d) Đánh giá về công tác phòng, chống thiên tai:

- Những nội dung đã đạt được.

- Những nội dung còn tồn tại.

- Bài học kinh nghiệm.

đ) Công tác triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới: Nêu những nhiệm vụ chủ yếu sẽ triển khai trong giai đoạn tới (06 tháng cuối năm, năm tiếp theo kỳ báo cáo).

e) Đề xuất, kiến nghị.

3. Chế độ, cơ quan thực hiện báo cáo

3.1. Báo cáo nhanh

a) Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã lập và gửi báo cáo nhanh lên Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trước 17 giờ hàng ngày.

b) Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện lập và gửi báo cáo nhanh về tình hình thiên tai và thiệt hại lên Ủy ban nhân dân cấp

huyện và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh trước 18 giờ hàng ngày.

c) Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, lập báo cáo nhanh về tình hình thiên tai và thiệt hại gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trước 19 giờ hàng ngày.

d) Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai các Sở, ngành lập báo cáo nhanh về tình hình thiên tai và thiệt hại (nếu có) trong phạm vi quản lý gửi Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp tỉnh, trước 18 giờ hàng ngày.

đ) Ngoài ra, các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo có thể trao đổi bằng điện thoại, tin nhắn (SMS), thư điện tử để cập nhật, nắm bắt tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra. Trường hợp có tình huống thiên tai khẩn cấp xảy ra thì Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, ngành, sẽ có báo cáo bổ sung.

3.2. Báo cáo tổng hợp thiệt hại đợt thiên tai:

Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị Sở, ngành lập báo cáo tổng hợp đợt thiên tai gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chậm nhất sau 12 ngày kể từ khi kết thúc thiên tai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi kết thúc thiên tai.

3.3. Báo cáo định kỳ công tác phòng, tránh thiên tai:

Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ngành đơn vị trong tỉnh lập báo cáo định kỳ công tác phòng, chống thiên tai gửi Ủy ban nhân dân cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

c) Thời gian thực hiện báo cáo:

- Báo cáo sơ kết 6 tháng: Được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Thời gian gửi báo cáo về tỉnh trước ngày 13/7 hằng năm;

- Báo cáo tổng kết năm: Được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Thời gian gửi báo cáo về tỉnh trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

4. Phương thức gửi báo cáo

Báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra do cơ quan có thẩm quyền lập phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của thủ trưởng cơ quan và được gửi đến cơ quan nhận báo cáo thông qua các hình thức sau:

1. Đối với báo cáo nhanh: Gửi qua fax, thư điện tử, hoặc bằng các phương tiện nhanh nhất có thể.

2. Đối với báo cáo tổng hợp đợt, Báo cáo định kỳ và các báo cáo khác: Gửi qua đường bưu điện, fax, hòm thư công vụ, thư điện tử.